TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỦA CHÙA** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST
Ngày 10 - 7 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** **:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Dinh và bà Lò Thị Dậu
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa tham gia phiên tòa*: bà Đinh Thị Thu Hiền- kiểm sát viên

Ngày 10/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Giàng A V – Sinh năm: 1987; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi làm việc: UBND xã P, huyện T/ có mặt.

2. Bị đơn: chị Mùa Thị L – Sinh năm: 1993; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Nơi làm việc: Trường mầm non S, xã S/ có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
+ anh Ly A D – Sinh năm: 1987; Nơi cư trú: thôn 2, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên/ có mặt.
+ bà Lý Thị M – Sinh năm 1934; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên/ có mặt.
- *Người phiên dịch*: ông Giàng A Dè – SN 1985; trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên/Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến, nguyên đơn anh Giàng A V trình bày:

Nguyên đơn anh Giàng A V và bị đơn chị Mùa Thị L chung sống với nhau từ năm 2014 do sự tự nguyện của hai bên và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T ngày 31/7/2014. Trong quá trình chung sống nguyên đơn phát hiện

bị đơn có hành vi ngoại tình và nguyên đơn đã cho bị đơn nhiều cơ hội để sửa chữa lỗi lầm nhưng bị đơn vẫn không thay đổi. Cho đến nay giữa hai người không thể chung sống với nhau và hai bên đã sống ly thân từ ngày 03/02/2020 cho đến nay, vì vậy nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Hai người có 01 con chung là Giàng Minh Đ - Sinh ngày 27/11/2014, hiện nay đang ở cùng bị đơn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: Năm 2015 hai vợ chồng có vay tiền của anh Ly A D số tiền 35.000.000 đồng, vay không có lãi và đã trả được cho anh D số tiền 5.000.000 đồng. Hiện tại còn nợ số tiền 30.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả 15.000.000 đồng cho anh Ly A D.

Trong các văn bản ghi ý kiến của bị đơn thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn nguyên đơn trình bày là đúng. Do nguyên đơn thường xuyên công tác xa nhà nên không có thời gian vun đắp tình cảm vợ chồng, nên bị đơn mới có hành vi ngoại tình, hai người hiện đã sống ly thân từ ngày 03/02/2020 cho đến nay, Bị đơn không muốn ly hôn và mong muốn nguyên đơn tạo cơ hội để hai bên đoàn tụ.

Về con chung: Hai người có 01 con chung, nguyên đơn thường xuyên đi công tác xa nhà, không có thời gian chăm sóc con nên bị đơn yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, Bị đơn nhất trí theo ý kiến của nguyên đơn về việc vay nợ anh Ly A D và đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả cho anh Ly A D số tiền 15.000.000 đồng, ngoài ra Bị đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung gồm: 01 Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Airblade; 01 chiếc xe máy HONDA anpha; 01 chiếc tủ lạnh hiệu Sharp; 01 chiếc máy giặt hiệu LG; 01 chiếc Tivi nhãn hiệu Sam sung; 01 Máy nóng lạnh hãng Sơn Hà; 01 Một téc đựng nước Tân Á và 14 bao thóc. Đến ngày 23/4/2020 và ngày 03/6/2020 bị đơn nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết chia tài sản do các bên đã tự thỏa thuận được với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến của anh Ly A D xác nhận nguyên đơn, bị đơn còn nợ số tiền 30.000.000 đồng, nếu ly hôn anh D yêu cầu nguyên đơn, bị đơn phải trả nợ về lãi suất không yêu cầu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; Giao con chung cho bị đơn Mùa Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn; Về nợ chung buộc Nguyên đơn, bị đơn liên đới trả nợ cho anh Ly A D và mỗi người phải trả số

tiền 15.000.000 đồng; Về án phí: buộc Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc bị đơn có hành vi ngoại tình dẫn đến quan hệ hôn nhân ngày càng mâu thuẫn, hai người không thể sống chung với nhau được, hiện nay hai người đang sống ly thân, trình bày của nguyên đơn phù hợp với ý kiến của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A V và chị Mùa Thị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho các bên ly hôn.

[2] Về nuôi con chung:

HĐXX xét thấy hai người có 01 con chung, nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và không yêu cầu phải cấp dưỡng; Xét các bên đều có thu nhập ổn định, khả năng kinh tế và điều kiện nuôi con như nhau. Tuy nhiên, con chung hiện nay còn nhỏ, đang ở cùng bị đơn; Do nguyên đơn công tác tại xã P, thường xuyên đi làm xa nhà cuối tuần mới về, không có nhiều thời gian chăm sóc con thường xuyên, nên HĐXX thấy yêu cầu nuôi con của bị đơn là có căn cứ, đảm bảo các điều kiện tốt hơn trong việc nuôi dưỡng, giáo dục con và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bị đơn không yêu cầu nên HĐXX không buộc nguyên đơn phải cấp dưỡng.

[**3] Về chia tài sản chung:**

Tại đơn xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết chia tài sản và tại phiên tòa bị đơn giữ nguyên ý kiến xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản, nguyên đơn cũng nhất trí, HĐXX thấy yêu cầu của bị đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của bị đơn theo quy định tại khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[**4] Về nợ chung:**

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng cho anh Ly A D, cần buộc các bên liên đới trả nợ, nguyên đơn phải trả cho anh D 15.000.000 đồng và bị đơn phải trả cho anh D 15.000.000 đồng. Về lãi suất các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ tương ứng với số tiền phải

trả theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 8 Điều 26; điểm a,e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự,
- Điều 56, điều 27, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình.
- Các điều 288, 463, 466, 357 của Bộ luật dân sự.
- Khoản 8 Điều 26, điểm a,e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Giàng A V ly hôn với chị Mùa Thị L.

2. Về chăm sóc nuôi dưỡng con chung:

Giao cho chị Mùa Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Giàng Minh Đc - sinh ngày 27/11/2014.

Anh Giàng A V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của bị đơn do bị đơn rút yêu cầu.

4. Về nợ chung:

Buộc nguyên đơn, bị đơn phải liên đới trả cho anh Ly A D số tiền 30.000.000 đồng, tính theo kỷ phần anh Giàng A V phải trả cho anh Ly A D số tiền 15.000.000 đồng, chị Mùa Thị L phải trả cho anh Ly A D số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án mà bên có nghĩa vụ không chịu trả thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

Nguyên đơn anh Giàng A V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ; Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp 1.050.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên lai số AA/2010/00707 ngày 17/02/2020, anh Giàng A V đã nộp đủ.

Bị đơn chị Mùa Thị L phải chịu 750.000 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ trả nợ, khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.420.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên lai số AA/2010/00711 ngày 20/3/2020, chị Mùa Thị L được trả lại 670.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, các bên có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Anh Tuấn